



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch
Ông Yang XiaoDong	Thành viên
Ông Huang Hong Jian	Thành viên
Ông Lyu ZhiMing	Thành viên
Ông Zhou Hao	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Lyu Zhiming	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 23 tháng 01 năm 2024)
Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 01 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

02546
CÔNG
TN
KIỂM
VA
4 PH

102
CÔ
CÔ
TƯ
AS
GIÁ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lýu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

85c
G T
HH
TO.
C
O

349
NG T
PH
PHÁT
ĐÔ T
Y - T

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng đối với một số khoản công nợ phải thu khách hàng và tạm ứng tồn đọng lâu ngày với giá trị lần lượt khoảng 470 triệu đồng và 8,8 tỷ đồng. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng lên, đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm với số tiền khoảng 6,5 tỷ đồng.
- Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ phải trả về phạt chậm thanh toán phát sinh từ khoản vay của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN với số tiền nợ gốc đã quá hạn đang ghi sổ kế toán là 18,6 tỷ đồng. Nếu Công ty ghi nhận khoản phạt chậm trả theo điều khoản quy định trong hợp đồng thì trên Bảng cân đối kế toán riêng khoản mục chi phí phải trả sẽ tăng khoảng 2,57 tỷ đồng (bao gồm tiền phạt năm 2023 là 1,1 tỷ đồng và tiền phạt 6 tháng năm 2024 là 1,47 tỷ đồng), đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng khoản mục chi phí tài chính sẽ tăng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm khoảng 1,47 tỷ đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.940.717.093	153.914.407.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.344.910.895	3.400.359.103
1. Tiền	111		7.344.910.895	3.400.359.103
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	13.208.021.918	21.708.021.918
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.208.021.918	21.708.021.918
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.734.905.535	85.522.409.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	73.272.180.738	83.207.123.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.386.169.488	8.297.582.131
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	11.500.000.000	8.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.295.317.099	11.652.409.669
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(27.718.761.790)	(25.634.705.663)
IV. Hàng tồn kho	140	11	17.022.140.019	14.123.485.196
1. Hàng tồn kho	141		18.247.623.687	14.779.962.963
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.225.483.668)	(656.477.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.630.738.726	29.160.131.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	658.254.873	432.991.495
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.972.483.853	28.727.140.246
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.243.535.413	128.129.372.516
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.042.926.127	32.104.276.678
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	27.372.429.335	27.372.429.335
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.670.496.792	4.731.847.343
II. Tài sản cố định	220		10.266.608.893	9.898.581.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.556.471.978	9.176.236.608
- Nguyên giá	222		27.272.849.044	25.895.929.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.716.377.066)	(16.719.692.436)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	710.136.915	722.344.419
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(698.621.998)	(686.414.494)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.851.901.617
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.851.901.617
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	29.113.046.192	29.760.657.638
1. Đầu tư vào Công ty con	251		18.604.854.163	18.604.854.163
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		16.450.000.000	16.450.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.941.807.971)	(5.294.196.525)
V. Tài sản dài hạn khác	260		53.820.954.201	54.513.955.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	53.790.336.655	54.483.338.010
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.617.546	30.617.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		271.184.252.506	282.043.779.872

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		105.686.091.937	107.725.196.532
I. Nợ ngắn hạn	310		105.346.716.198	107.336.447.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	71.188.607.497	76.533.749.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.980.283.294	895.151.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	39.708.078	124.375.827
4. Phải trả người lao động	314		710.367.845	75.300.633
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.668.470.154	6.072.249.298
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	134.772.325	140.118.671
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.836.490.063	5.476.175.151
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	18.595.290.000	17.826.600.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		192.726.942	192.726.942
II. Nợ dài hạn	330		339.375.739	388.748.651
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	305.472.703	322.781.847
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		33.903.036	65.966.804
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.498.160.569	174.318.583.340
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	165.498.160.569	174.318.583.340
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.615.486.117)	(32.795.063.346)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(32.795.063.346)	(33.654.361.770)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.820.422.771)	859.298.424
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		271.184.252.506	282.043.779.872



Lýu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		188.868.186.138	143.284.578.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.864.478
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	188.868.186.138	143.276.714.176
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	181.357.644.311	131.877.096.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.510.541.827	11.399.617.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.745.410.112	1.542.057.415
7. Chi phí tài chính	22	28	2.077.690.133	1.038.987.306
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		661.388.687	621.599.250
8. Chi phí bán hàng	25	29	6.206.870.041	5.469.035.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	9.023.088.791	6.587.745.685
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(8.051.697.026)	(154.093.521)
11. Thu nhập khác	31	31	32.063.768	225.512
12. Chi phí khác	32	32	800.789.513	543.019.379
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(768.725.745)	(542.793.867)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(8.820.422.771)	(696.887.388)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(8.820.422.771)	(696.887.388)



Lưu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	204.436.584.319	167.955.102.507
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(210.554.100.400)	(169.531.643.158)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.030.926.302)	(3.269.539.765)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.281.834.000	23.371.012.584
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.857.710.778)	(4.707.867.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.724.319.161)	13.817.064.994
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.376.920.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.850.000.000	2.353.952
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	(18.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.000.000.000	10.945.816.781
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.254.017.330	1.405.073.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.727.097.330	(5.846.756.062)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(59.850.000)	(4.275.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.850.000)	(4.275.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.942.928.169	7.966.033.932
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.400.359.103	11.063.449.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.623.623	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7.344.910.895	19.029.483.572



Lyu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 02 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0102349865.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 188.700.000.000 VND tương ứng với 18.870.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là PCG.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4 số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 51 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 51 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Công ty có một văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng để thực hiện hoạt động bán hàng.

Thông tin chi tiết về Công ty con và Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Đắk Lắk	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	Hà Nội	47%	47%	Tư vấn quản lý

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng được lập và phát hành cùng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; theo đó, để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là các công trình xây lắp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	05
Tài sản cố định khác	03 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất của Công ty là 37 năm, thương hiệu và phần mềm máy tính có thời gian khấu hao từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng trả trước tại địa điểm tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.
- Tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh với thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm. Chi phí bảo hiểm phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, chi phí phải trả khác..., trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất áp dụng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Công ty con
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư EVERYOUNG	Công ty liên kết
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là sản xuất, kinh doanh gas dân dụng, gas công nghiệp và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	334.999.743	161.111.144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.009.911.152	3.239.247.959
Cộng	7.344.910.895	3.400.359.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.208.021.918	13.208.021.918	21.708.021.918	21.708.021.918
Cộng	13.208.021.918	13.208.021.918	21.708.021.918	21.708.021.918

Ghi chú:

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số tiền 608.021.918 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.108.021.918 VND) đã được Công ty dùng để đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của ngân hàng.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	18.604.854.163	(5.497.993.579)	18.604.854.163	(5.147.012.884)
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	14.938.263.363	(4.887.763.527)	14.938.263.363	(4.543.342.313)
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	2.596.590.800	(5.204.635)	2.596.590.800	(2.924.055)
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	1.050.000.000	(587.332.066)	1.050.000.000	(585.215.666)
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	20.000.000	(17.693.351)	20.000.000	(15.530.850)
Cộng	16.450.000.000	(443.814.392)	16.450.000.000	(147.183.641)
	16.450.000.000	(443.814.392)	16.450.000.000	(147.183.641)
	35.054.854.163	(5.941.807.971)	35.054.854.163	(5.294.196.525)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các công ty trên đều không phải Công ty đại chúng và không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 của các Công ty con và Công ty liên kết đều có lỗi từ hoạt động kinh doanh trong kỳ và lỗi lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Giao dịch phát sinh với Công ty con và Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 34 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Best Pacific Việt Nam	30.144.439.925	39.747.329.134
Công ty Cổ phần Đức chính xác CQS MAY'S	5.916.803.200	6.565.533.487
Các đối tượng khác	37.210.937.613	36.894.260.640
Cộng	73.272.180.738	83.207.123.261

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (i)	5.577.000.000	5.577.000.000
Các đối tượng khác	1.809.169.488	2.720.582.131
Cộng	7.386.169.488	8.297.582.131

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và số 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng trên, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên đến hiện tại, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản trả trước cho người bán này theo Thuyết minh số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn	11.500.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á (ii)	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000
b) Phải thu về cho vay dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á (v)	3.000.000.000	3.000.000.000
c) Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	24.372.429.335	24.372.429.335
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (vi)	24.372.429.335	24.372.429.335
Cộng	38.872.429.335	35.372.429.335

Ghi chú:

- (i) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 18/HĐKT và Phụ lục số 01 ngày 06 tháng 12 năm 2022, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022, lãi suất cho vay 5%/năm. Hiện tại, khoản cho vay đã hết hạn và chưa có phụ lục gia hạn.
- (ii) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng cho vay số 01/HĐCV/GAS-CATA/2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2024, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (iii) Khoản cho vay Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 05/HĐKT ngày 10 tháng 01 năm 2023, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 5%/năm. Hiện tại, khoản cho vay đã hết hạn và chưa có phụ lục gia hạn.
- (iv) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 150523/HĐKT ngày 17 tháng 5 năm 2023 có hạn mức là 1.500.000.000 VND, số tiền vay được giải ngân theo nhu cầu vay từng lần trong năm, thời gian cho vay 1 năm, từ ngày 17 tháng 5 năm 2023, lãi suất cho vay 5%/năm. Hiện tại, khoản cho vay đã hết hạn và chưa có phụ lục gia hạn.
- (v) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng cho vay số 24/HĐKT ngày 19 tháng 12 năm 2023, thời hạn cho vay 3 năm kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, lãi suất 5%/năm.
- (vi) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKT ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Phụ lục bổ sung số 5 ngày 02 tháng 6 năm 2023 gia hạn khoản cho vay đến ngày 02 tháng 6 năm 2043, lãi suất cho vay 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	2.286.267.340	-	1.876.029.910	-
Tạm ứng	1.161.832.094	-	571.536.155	-
Ký cược, ký quỹ	135.750.874	-	267.441.385	-
Lãi dự thu	775.874.137	-	825.873.202	-
Các khoản phải thu khác	212.810.235	-	211.179.168	-
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	10.009.049.759	-	9.776.379.759	-
Tạm ứng	8.913.101.086	-	8.833.101.086	-
- Ông Zhu Zhilin	5.157.509.847	-	5.157.509.847	-
- Ông Wu ZhiJun	2.350.931.730	-	2.350.931.730	-
- Ông Yang Xiaowei	1.198.311.721	-	1.188.311.721	-
- Ông Yang Xiao Dong	130.000.000	-	-	-
- Ông Chen Qing Huang	68.000.000	-	128.000.000	-
- Ông Chen Zhi Bin	8.347.788	-	8.347.788	-
Các khoản phải thu khác	1.095.948.673	-	943.278.673	-
- Công ty TNHH VN Gas - Đăk Lăk	1.095.948.673	-	943.278.673	-
c) Phải thu khác dài hạn	142.400.000	-	82.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	142.400.000	-	82.400.000	-
d) Phải thu khác dài hạn là bên liên quan	5.528.096.792	-	4.649.447.343	-
Lãi dự thu	5.528.096.792	-	4.649.447.343	-
- Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	5.528.096.792	-	4.649.447.343	-
Cộng	17.965.813.891	-	16.384.257.012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	9.583.942.801	-	(9.583.942.801)	9.583.942.801
Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải	2.973.279.100	-	(2.973.279.100)	2.973.279.100
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đông Đô	2.905.659.887	-	(2.905.659.887)	2.905.659.887
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Bắc Giang	2.625.291.171	-	(2.625.291.171)	2.625.291.171
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	3.180.539.974	-	(3.180.539.974)	3.220.539.974
Công ty TNHH Đầu tư đa ngành Thành Lợi	2.054.625.909	-	(2.054.625.909)	2.054.625.909
Tianjin Ruoshui Energy Technology Co., Ltd.	1.214.232.676	-	(1.214.232.676)	1.214.232.676
Các đối tượng khác	3.686.953.914	505.763.642	(3.181.190.272)	2.898.010.210
Cộng	28.224.525.432	505.763.642	(27.718.761.790)	27.475.581.728
				1.840.876.065
				(25.634.705.663)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.410.798.391	(536.294.756)	8.428.518.264	(536.294.756)
Công cụ, dụng cụ	865.500	-	865.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	5.794.606.489	(689.188.912)	2.481.943.193	(120.183.011)
Hàng hoá:	4.041.353.307	-	3.868.636.006	-
- Gas, khí hóa lỏng	2.918.748.914	-	2.746.031.613	-
- Bất động sản	1.122.604.393	-	1.122.604.393	-
Cộng	18.247.623.687	(1.225.483.668)	14.779.962.963	(656.477.767)

Ghi chú:

(i) Chi tiết các dự án thực hiện dở dang như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hệ thống cấp gas trung tâm nhà máy SAB Thanh Hóa	2.059.646.084	-	401.935.293	-
Hệ thống cấp gas trung tâm nhà máy CAYI Bắc Ninh	1.785.387.275	-	193.248.010	-
Hệ thống bếp gas nhà ăn tòa nhà Bộ Ngoại giao	1.281.605.901	(569.005.901)	1.281.605.901	-
Hệ thống cấp gas cho dự án FLC Hạ Long	228.882.550	(120.183.011)	228.882.550	(120.183.011)
Các dự án khác	439.084.679	-	376.271.439	-
Cộng	5.794.606.489	(689.188.912)	2.481.943.193	(120.183.011)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	658.254.873	432.991.495
Chi phí thuê xe ô tô	364.000.000	196.000.000
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	157.924.369	86.349.284
Chi phí bảo hiểm	27.893.165	50.796.853
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	108.437.339	99.845.358
b) Dài hạn	53.790.336.655	54.483.338.010
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng gắn liền với đất (i)	30.951.766.030	31.355.908.350
Tiền thuê văn phòng (ii)	22.133.530.182	22.440.002.868
Chi phí trả trước dài hạn khác	705.040.443	687.426.792
Cộng	54.448.591.528	54.916.329.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTĐ/PV ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các Phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê đất đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 với mục đích đầu tư hệ thống cung cấp khí trung tâm và vận hành kinh doanh theo Văn bản phê duyệt dự án số 6167333488 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban quản lý Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan có thẩm quyền cấp.
- (ii) Khoản tiền thuê văn phòng tầng 4 tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 2909/2010/HĐ-VQKVN ngày 21 tháng 12 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo với thời hạn thuê 50 năm đến ngày 10 tháng 8 năm 2060.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊTầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị		Thiết bị văn phòng		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu kỳ	222.458.772	56.450.000	1.683.545.455	23.933.474.817	25.895.929.044					
Mua trong kỳ	-	-	1.376.920.000	-	1.376.920.000					
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-					
Số dư cuối kỳ	222.458.772	56.450.000	3.060.465.455	23.933.474.817	27.272.849.044					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu kỳ	222.458.772	56.450.000	1.173.008.186	15.267.775.478	16.719.692.436					
Khấu hao trong kỳ	-	-	154.276.686	842.407.944	996.684.630					
Số dư cuối kỳ	222.458.772	56.450.000	1.327.284.872	16.110.183.422	17.716.377.066					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Số dư đầu kỳ	-	-	510.537.269	8.665.699.339	9.176.236.608					
Số dư cuối kỳ	-	-	1.733.180.583	7.823.291.395	9.556.471.978					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 5.290.227.403 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.104.988.873 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
Số dư cuối kỳ	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	184.934.494	70.000.000	431.480.000	686.414.494
Khấu hao trong kỳ	12.207.504	-	-	12.207.504
Số dư cuối kỳ	197.141.998	70.000.000	431.480.000	698.621.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	722.344.419	-	-	722.344.419
Số dư cuối kỳ	710.136.915	-	-	710.136.915

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 501.480.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 501.480.000 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	71.176.998.122	71.176.998.122	76.533.749.858	76.533.749.858
Công ty TNHH Dầu khí Đài Hải	36.971.027.703	36.971.027.703	53.673.695.021	53.673.695.021
Công ty TNHH Khí Hóa Long Thăng Long	16.961.273.553	16.961.273.553	7.209.728.993	7.209.728.993
Các đối tượng khác	17.244.696.866	17.244.696.866	15.650.325.844	15.650.325.844
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	11.609.375	11.609.375	-	-
Bà Nguyễn Thanh Tú	11.609.375	11.609.375	-	-
Cộng	71.188.607.497	71.188.607.497	76.533.749.858	76.533.749.858

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp SAB (Việt Nam)	2.012.610.568	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	712.600.000	712.600.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	108.699.539	108.699.539
Các đối tượng khác	146.373.187	73.851.962
Cộng	2.980.283.294	895.151.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	96.562.650	359.146.611	432.408.123	23.301.138
Thuế thu nhập cá nhân	27.793.177	103.268.964	114.655.201	16.406.940
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	190.900.000	190.920.000	-
Cộng	124.375.827	653.315.575	737.983.324	39.708.078

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.604.952.663	5.943.563.976
Các khoản chi phí phải trả khác	63.517.491	128.685.322
Cộng	6.668.470.154	6.072.249.298

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Doanh thu bán IC Card	134.772.325	140.118.671
	134.772.325	140.118.671

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.799.966.773	2.439.651.861
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.055.200	1.056.055.200
Nhận ký quỹ, ký cược	610.453.147	616.907.799
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	37.324.574	34.269.479
Các khoản khác	159.133.852	732.419.383
b) Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	3.036.523.290	3.036.523.290
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	405.000.000	405.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	2.631.523.290	2.631.523.290
c) Phải trả dài hạn khác	305.472.703	322.781.847
Nhận ký quỹ, ký cược	305.472.703	322.781.847
Cộng	5.141.962.766	5.798.956.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN (i)	18.595.290.000	18.595.290.000	768.690.000	-	17.826.600.000	17.826.600.000
Cộng	18.595.290.000	18.595.290.000	768.690.000	-	17.826.600.000	17.826.600.000

Ghi chú:

(i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 01 tháng 8 năm 2021 nhằm bổ sung vốn lưu động với số tiền 730.000 USD, lãi suất một năm bằng lãi suất VNIBOR 12 tháng cộng 2,5%. Lãi phạt chậm trả bằng lãi suất một năm cộng 5%. Hạn thanh toán toàn bộ gốc và lãi được gia hạn đến ngày 01 tháng 8 năm 2023. Hiện tại hợp đồng vay đã hết hạn nhưng chưa có phụ lục gia hạn.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	-	-	(33.654.361.770)	173.459.284.916	994.298.424	173.459.284.916
Lãi / (Lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	994.298.424	(135.000.000)	-	994.298.424
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	(135.000.000)	-	-	(135.000.000)
Số dư đầu kỳ này	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	-	-	(32.795.063.346)	174.318.583.340	(8.820.422.771)	174.318.583.340
Lãi / (Lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.820.422.771)	-	-	(8.820.422.771)
Số dư cuối kỳ này	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	-	-	(41.615.486.117)	165.498.160.569	-	165.498.160.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 2 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Cổ đông				
Bà Nguyễn Thanh Tú	70.634.000.000	37,4%	42.917.000.000	22,7%
Ông Zhu Zhilin	41.000.000.000	21,7%	47.000.000.000	24,9%
Bà Thái Thị Duyên Hải	-	0,0%	27.717.000.000	14,7%
Ông Cheng Qing Huang	17.609.000.000	9,3%	17.609.000.000	9,3%
Prism Energy International Hong Kong Limited	9.435.000.000	5,0%	9.435.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	50.022.000.000	26,5%	44.022.000.000	23,3%
Cộng	188.700.000.000	100%	188.700.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	188.700.000.000	188.700.000.000
- Vốn góp cuối năm	188.700.000.000	188.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.870.000	18.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.870.000	18.870.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.870.000	18.870.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	USD	USD
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	876,42	883,02

24. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.868.186.138	143.284.578.654
Doanh thu bán hàng hóa	188.235.954.139	140.455.578.652
Doanh thu hợp đồng xây dựng	632.231.999	2.829.000.002
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	7.864.478
Chiết khấu thương mại	-	7.864.478
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.868.186.138	143.276.714.176

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	180.272.053.138	129.753.869.024
Giá vốn hoạt động xây dựng	516.585.272	2.123.227.516
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	569.005.901	-
Cộng	181.357.644.311	131.877.096.540

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.703.733.591	1.542.057.415
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.676.521	-
Cộng	1.745.410.112	1.542.057.415

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	661.388.687	621.599.250
Dự phòng tổn thất đầu tư	647.611.446	372.257.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá	768.690.000	15.130.973
Chi phí tài chính khác	-	30.000.000
Cộng	2.077.690.133	1.038.987.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.206.870.041	5.469.035.581
Chi phí nhân viên	3.023.689.140	2.252.524.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	782.662.368	873.404.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.400.518.533	2.343.106.511
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9.023.088.791	6.587.745.685
Chi phí nhân viên	3.104.962.954	2.550.968.948
Chi phí khấu hao TSCĐ	166.484.190	117.440.664
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.084.056.127	(281.294.770)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	3.663.585.520	4.196.630.843
Cộng	15.229.958.832	12.056.781.266

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.782.952.384	2.605.893.306
Chi phí nhân công	6.973.027.522	5.175.546.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.146.558	990.845.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.270.024.809	9.027.352.193
Cộng	16.975.151.273	17.799.637.092

31. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	32.063.768	-
Thu nhập khác	-	225.512
Cộng	32.063.768	225.512

32. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phân bổ tiền thuê đất	404.142.320	426.610.998
Các khoản bị phạt	335.000.000	56.662.805
Chi phí khấu hao tài sản	59.745.576	59.745.576
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.901.617	-
Cộng	800.789.513	543.019.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.820.422.771)	(696.887.388)
Điều chỉnh cho các khoản:	800.789.513	543.019.379
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	800.789.513	543.019.379
Thu nhập chịu thuế	(8.019.633.258)	(153.868.009)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Trong kỳ, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư được trình bày tại các Thuyết minh số 5; 8; 9; 15; 20 và 22, trong kỳ, Công ty còn có một số giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú		
Lãi cho vay	878.649.449	-
Mua dịch vụ	160.000.000	737.396.119
Thanh toán tiền mua dịch vụ	172.800.000	806.780.731
Công ty TNHH VN Gas - Đăk Lăk		
Chuyển tiền nội bộ	137.200.000	157.870.000
Ông Lyu ZhiMing		
Tạm ứng	160.000.000	10.000.000
Hoàn ứng	160.000.000	-
Ông Yang XiaoWei		
Tạm ứng	40.000.000	10.000.000
Hoàn ứng	30.000.000	-
Ông Yang XiaoDong		
Tạm ứng	130.000.000	-

Lương của Hội đồng Quản trị:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	Chức vụ	506.005.429	54.947.000
Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch	169.860.000	30.375.000
Ông Yang XiaoDong	Thành viên	151.092.000	24.572.000
Ông Huang Hong Jian	Thành viên	107.992.000	-
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên	77.061.429	-

(Miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Lương của Ban Giám đốc:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Ban Giám đốc	Chức vụ	195.660.000	61.128.140
Ông Lyu Zhiming	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 23/01/2024)	195.660.000	20.816.095
Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 23/01/2024)	-	40.312.045


Trong kỳ, Công ty chưa trích và chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo kế hoạch chi trả thù lao đã nêu tại Điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

35. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 07/KĐT-NQHĐQT về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sau khi ông Huang HongJian và ông Yang XiaoDong có đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 5 năm 2024, ông Zhang Bin có đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát ngày 28 tháng 5 năm 2024. Thời gian dự kiến họp là ngày 23 tháng 7 năm 2024, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 vẫn chưa diễn ra do chưa chốt được danh sách cổ đông tham dự.



Lyu Zhiming
Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2024


Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Bình Dương

Số 12, đường số 5, tổ 19
Khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

11th Floor, HUD Building, No 159 Dien Bien Phu Street
Ward. 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Binh Duong Office

No. 12, Street 5, Group 19,
Quarter 3, Chanh Nghia Ward
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn